

UNIT 2: HOW CAN WE SHOW OUR FEELINGS?

Lesson 21: Project

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh luyện nói rõ ràng.
- Học sinh suy ngẫm về những gì trẻ đã học được.

II. Key vocabulary:



Scream
(La hét)



Jump up and down
(Nhảy lên và xuống)



Shout hooray
(Ăn mừng)



Yawn
(Ngáp)





Cry
(Khóc)



Laugh
(Cười)



Bored
(Buồn chán)



Shy
(Ngại ngùng)



II. Key vocabulary:



Scared
(Sợ hãi)



Excited
(Hào hứng)



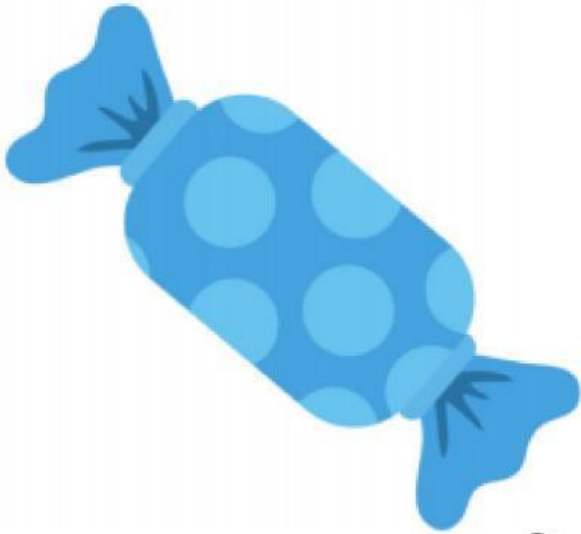
Surprised
(Ngạc nhiên)



Silly
(Ngớ ngẩn)



II. Key vocabulary:



Candy
(Kẹo)



Cake
(Bánh kem)



Candle
(Nến)



Balloon
(Bong bóng)





Present
(Món quà)



Party hat
(Mũ tiệc)



Birthday party
(Tiệc sinh nhật)



III. Key language:



When we're (bored), we yawn.



**What do you do when you're (scared)?
When I'm (scared), I (scream).**



III. Key language:



**How old are you?
I'm (five) years old.**

